

Số: /QĐ-UBND

Thanh Hoá, ngày tháng năm 2021

## **QUYẾT ĐỊNH**

**Về việc điều chỉnh tên khoáng sản trong Quyết định phê duyệt trữ lượng khoáng sản số 4140/QĐ-UBND ngày 25/11/2013 và Quyết định số 1801/QĐ-UBND ngày 26/5/2016 của UBND tỉnh**

### **ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH THANH HÓA**

*Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19/6/2015;*

*Căn cứ Luật Khoáng sản số 60/2010/QH12 ngày 17/11/2010; Nghị định số 158/2016/NĐ-CP ngày 29/11/2016 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Khoáng sản;*

*Căn cứ Thông tư số 45/2016/TT-BTNMT ngày 26/12/2016, Thông tư số 51/2017/TT-BTNMT ngày 30/11/2017 của Bộ Tài nguyên và Môi trường bổ sung một số điều của Thông tư số 45/2016/TT-BTNMT ngày 26/12/2016 quy định về đề án thăm dò khoáng sản, đóng cửa mỏ khoáng sản và mẫu báo cáo kết quả hoạt động khoáng sản, mẫu văn bản trong hồ sơ cấp phép hoạt động khoáng sản, hồ sơ phê duyệt trữ lượng khoáng sản, hồ sơ đóng cửa mỏ khoáng sản;*

*Căn cứ Thông tư số 60/2017/TT-BTNMT ngày 08/12/2017 của Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định về phân cấp trữ lượng và tài nguyên khoáng sản rắn;*

*Căn cứ văn bản số 7116/BTNMT-ĐCKS ngày 29/12/2017 của Bộ Tài nguyên và Môi trường về việc phê duyệt trữ lượng khoáng sản thuộc thẩm quyền của UBND tỉnh;*

*Căn cứ Quyết định số 4140/QĐ-UBND ngày 25/11/2013 và Quyết định số 1801/QĐ-UBND ngày 26/5/2016 của UBND tỉnh về việc phê duyệt trữ lượng khoáng sản đá spilit làm vật liệu xây dựng thông thường tại mỏ đá spilit xã Hà Tân, huyện Hà Trung;*

*Theo đề nghị của Giám đốc Sở Tài nguyên và Môi trường Thanh Hóa tại Công văn số 8359/STNMT-TNKS ngày 02/12/2020 và Công văn số 9188/STNMT-TNKS ngày 31/12/2020.*

## **QUYẾT ĐỊNH:**

**Điều 1.** Điều chỉnh tên khoáng sản trong Quyết định số 4140/QĐ-UBND ngày 25/11/2013 và Quyết định số 1801/QĐ-UBND ngày 26/5/2016 của UBND tỉnh, cụ thể như sau:

1. Quyết định số 4140/QĐ-UBND ngày 25/11/2013 của UBND tỉnh

*Tại Mục 1.1, Điều 1, có nội dung:*

Các khoáng sản chính: Đá Spilit làm vật liệu xây dựng thông thường và tận thu đá ốp lát;

Tổng trữ lượng cấp 121+122: 206.960 m<sup>3</sup>.

Trong đó: - Cấp 121: 0 m<sup>3</sup>;

- Cấp 122: 206.960 m<sup>3</sup>.

- Trữ lượng đá Spilit làm vật liệu xây dựng thông thường là: 198.680 m<sup>3</sup>;

- Trữ lượng đá Spilit tận thu làm đá ốp lát là: 8.280 m<sup>3</sup>.

*Nay điều chỉnh lại như sau:*

Phê duyệt trữ lượng khoáng sản đá Bazan làm vật liệu xây dựng thông thường cấp 122 là 206.960 m<sup>3</sup>, trong đó có 8.280 m<sup>3</sup> đá khối để xẻ.

2. Quyết định số 1801/QĐ-UBND ngày 26/5/2016 của UBND tỉnh

*Tại Mục 2.1, Điều 1, có nội dung:*

- Các khoáng sản chính: Đá Spilit làm vật liệu xây dựng thông thường và đá khối làm nguyên liệu sản xuất đá ốp lát;

Trữ lượng:

- Cấp 121: 542.285 m<sup>3</sup>.

- Cấp 122: 0 m<sup>3</sup>

Trong đó:

- Trữ lượng đá Spilit làm vật liệu xây dựng thông thường là 507.037 m<sup>3</sup>;

- Trữ lượng đá khối tận thu sản xuất đá ốp lát: 35.248 m<sup>3</sup>.

*Nay điều chỉnh lại như sau:*

Phê duyệt trữ lượng khoáng sản đá Bazan làm vật liệu xây dựng thông thường cấp 121 là 542.285 m<sup>3</sup>, trong đó có 35.248 m<sup>3</sup> đá khối để xẻ.

**Điều 2.** Các nội dung khác giữ nguyên trong Quyết định số 4140/QĐ-UBND ngày 25/11/2013 và Quyết định số 1801/QĐ-UBND ngày 26/5/2016 của UBND tỉnh.

**Điều 3.** Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký ban hành và là bộ phận không tách rời với Quyết định phê duyệt trữ lượng khoáng sản số 4140/QĐ-UBND ngày 25/11/2013 và Quyết định số 1801/QĐ-UBND ngày 26/5/2016 của Ủy ban nhân dân tỉnh./.

***Nơi nhận:***

- Chủ tịch UBND tỉnh (b/c);
- Cty TNHH Châu Quý;
- Các Sở: TN&MT, Xây dựng;
- Cục Thuế tỉnh;
- UBND huyện Hà Trung;
- UBND xã Hà Tân;
- TT Thông tin Lưu trữ ĐC;
- Lưu VT, CN (T022).

**TM ỦY BAN NHÂN DÂN  
KT. CHỦ TỊCH  
PHÓ CHỦ TỊCH**

**Lê Đức Giang**